

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM ĐẢO
TỈNH VINH PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST

Ngày 31 - 7 - 2023

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VINH PHÚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Bích Hằng.

Ông Lâm Văn Bảy.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hải Yến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lý Văn A, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Bị đơn: Chị Chu Thị D, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Lý Văn A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Chu Thị D sống chung như vợ chồng và có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương từ tháng 11 năm 1996 trên cơ sở tự nguyện và được sự nhất trí của hai bên gia đình. Tuy nhiên do hiểu biết pháp luật hạn chế nên từ đó đến nay vợ chồng anh chưa làm thủ tục gì để đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Sau ngày cưới chị D về làm dâu và làm ăn cùng gia đình nhà anh ở thôn B, xã C, được khoảng 01 năm thì vợ chồng ra ăn ở riêng. Quá trình sống chung tình cảm vợ chồng ban đầu hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra va chạm, cãi vã. Vợ chồng nhiều lần trao đổi nhưng tình cảm không được cải thiện. Từ năm 2019 đến nay vợ chồng sống

ly thân không ai quan tâm hay có trách nhiệm gì đến nhau. Anh xét thấy tình cảm không còn, không thể hàn gắn, anh đề nghị Tòa án không công nhận giữa anh và chị Chu Thị D là vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là cháu Lý Ngọc E, sinh năm 1998 và cháu Lý Văn G, sinh năm 1999. Hiện các cháu đều đã trưởng thành nên anh không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác chung, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Chu Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D xác nhận trình bày của anh A về thời gian kết hôn, quá trình sống chung, thời gian và nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian vợ chồng sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đồng ý với quan điểm của anh A, đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh Lý Văn A là vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là cháu Lý Ngọc E, sinh năm 1998 và cháu Lý Văn G, sinh năm 1999. Hiện các cháu đều đã trưởng thành nên chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác chung, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lý Văn A, không công nhận anh Lý Văn A và chị Chu Thị D là vợ chồng; anh A phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Lý Văn A có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Chu Thị D; chị D có nơi cư trú tại huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lý Văn A và chị Chu Thị D chung sống cùng nhau từ tháng 11 năm 1996 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và được sự nhất trí của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới anh chị chung sống cùng nhau nhưng từ đó đến nay

anh A và chị D không làm thủ tục gì để đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật. Đến năm 2019 anh chị sống ly thân, không ai quan tâm hay có trách nhiệm gì đến nhau. Nay cả anh A, chị D đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và cùng đề nghị Tòa án công nhận anh chị không phải là vợ chồng, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP, Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh A và chị D.

[3]. Về con chung: Anh A và chị D xác định vợ chồng có 02 con chung. Hiện hai cháu đều đã thành niên, anh A chị D không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh Lý Văn A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Không công nhận anh Lý Văn A và chị Chu Thị D là vợ chồng.
2. Về tài sản: Không xem xét giải quyết.
3. Về án phí: Anh Lý Văn A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu số: 0000601, ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Đảo.
4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- UBND xã C, huyện Tam Đảo;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Văn Thái

